

KHUNG KHÁI NIỆM VÀ PHÂN TÍCH

Định nghĩa năng lực cạnh tranh và các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh

Vũ Thành Tự Anh
Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

Nội dung trình bày

■ Cấu trúc của môn học

- Giới thiệu Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh
- Địa điểm và các cụm ngành
- Chiến lược kinh tế của quốc gia
- Nâng cấp và tổ chức năng lực cạnh tranh
- Dự án nhóm

■ Một số khái niệm cốt lõi

- Đo lường mức độ thịnh vượng
- Định nghĩa năng lực cạnh tranh và các chỉ báo trung gian
- Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh
 - Năng lực cạnh tranh vĩ mô
 - Nâng cấp môi trường kinh doanh
 - Phát triển các cụm ngành
 - Cải thiện chiến lược và hoạt động của công ty

■ Vai trò của vị trí địa lý đối với năng lực cạnh tranh

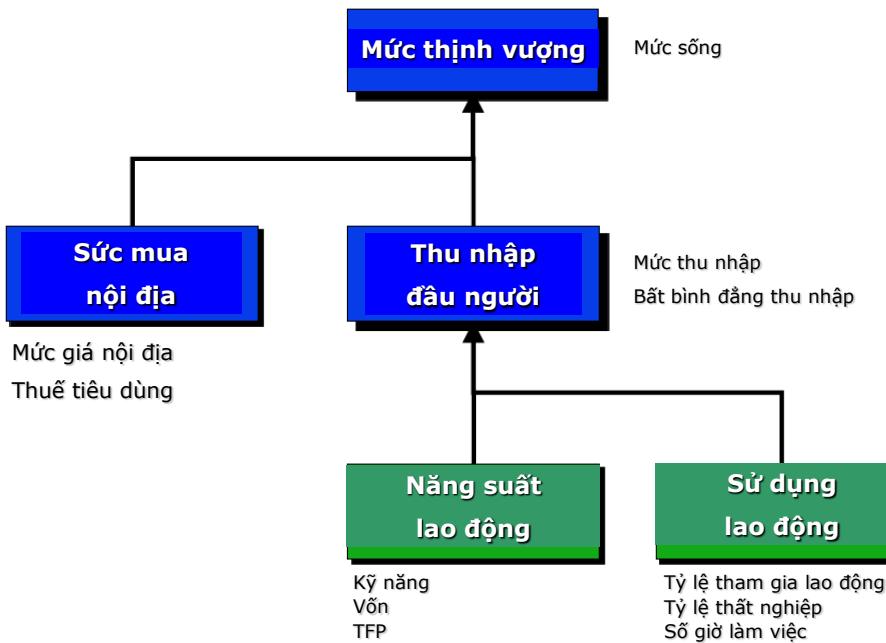
■ Chiến lược kinh tế của quốc gia, vùng, và địa phương

■ Tổ chức năng lực cạnh tranh

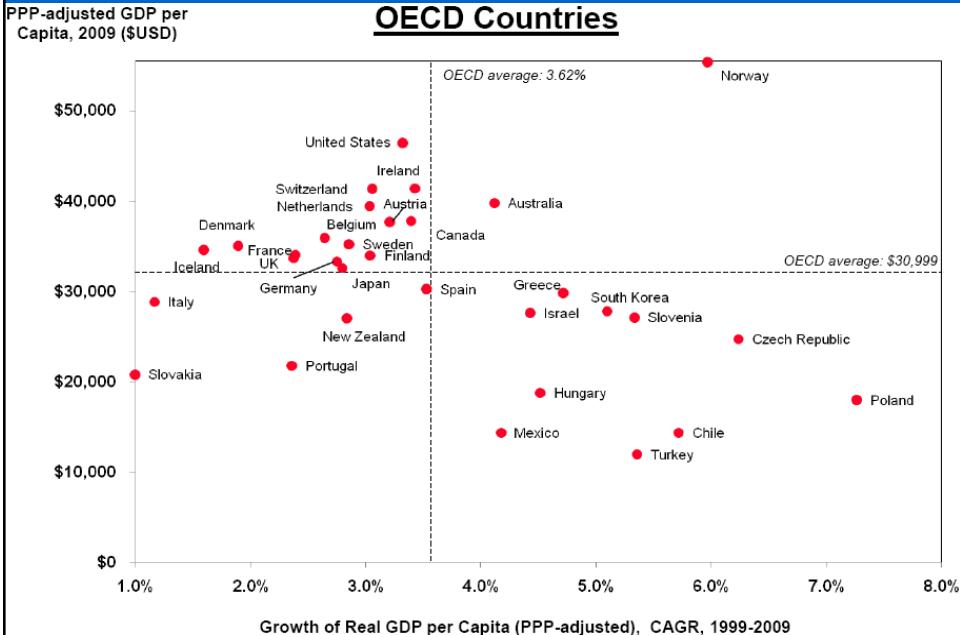
Nội dung, đối tượng, phương pháp

- **Nội dung** của môn học là về năng lực cạnh tranh và kinh tế phát triển với cách tiếp cận vi mô từ dưới lên
- **Đối tượng** phân tích chủ yếu là các quốc gia, vùng, địa phương, và các cụm ngành
- **Phương pháp** chính của môn học là nghiên cứu tình huống
- **Không phải** là môn kinh tế phát triển truyền thống với cách tiếp cận từ trên xuống (chính sách của chính phủ)
- **Không phải** là môn học về chiến lược của các công ty hay các tập đoàn đa quốc gia

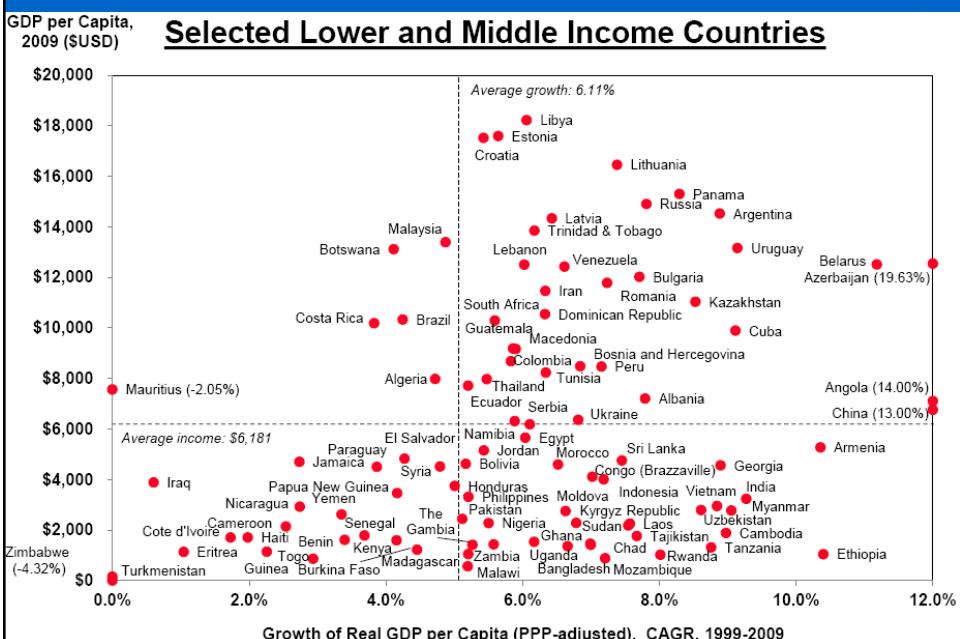
Phân tích mức độ thịnh vượng

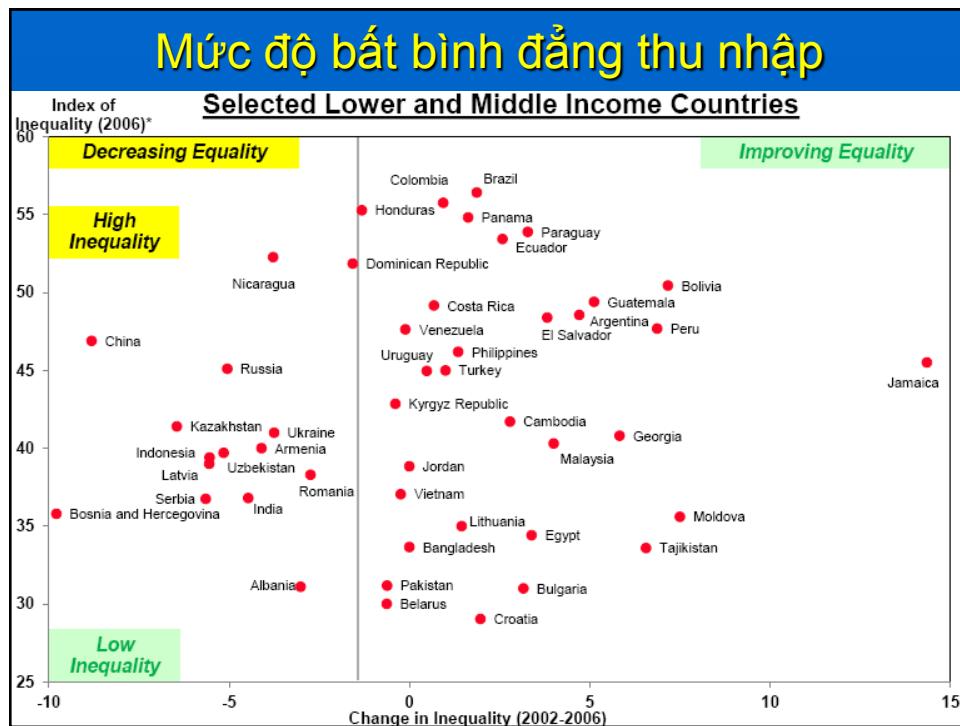


Đo lường mức độ thịnh vượng



Đo lường mức độ thịnh vượng





Năng lực cạnh tranh là gì?

- **Năng lực cạnh tranh** quốc gia được đo lường bằng **năng suất** sử dụng lao động, vốn, và tài nguyên thiên nhiên
 - Năng suất quyết định **mức sống bền vững** (lương, lợi nhuận từ vốn và từ tài nguyên thiên nhiên)
 - **Cạnh tranh như thế nào** (năng suất cạnh tranh) quan trọng hơn là cạnh tranh trong ngành nào
 - Năng suất của một nền kinh tế xuất phát từ sự phối hợp của **cá doanh nghiệp nội địa và nước ngoài**
 - **Năng suất của công nghiệp nội địa** chứ không chỉ của công nghiệp xuất khẩu đóng vai trò cơ bản đối với năng lực cạnh tranh
 - Của cải và việc làm phụ thuộc vào **NLCT** doanh nghiệp
 - Các quốc gia cạnh tranh với nhau trong việc tạo ra **môi trường có năng suất cao nhất** cho doanh nghiệp
 - Khu vực công và tư có **vai trò khác nhau nhưng bổ sung** cho nhau trong việc tạo ra một nền kinh tế có năng suất

Nguồn gốc của sự thịnh vượng

Thịnh vượng được "thừa kế"

- Sự thịnh vượng đến từ nguồn tài nguyên thiên nhiên được thừa kế
- Sự thịnh vượng có hạn
- Vấn đề là chia bánh
- Chính phủ đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế
- Thu nhập từ tài nguyên gây ra tham nhũng và cho phép các chính sách tồi tàn tại

Thịnh vượng được "tạo ra"

- Sự thịnh vượng đến từ **năng suất** của hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ
- Sự thịnh vượng không giới hạn
- Vấn đề là làm cái bánh lớn lên
- Doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế
- **Vai trò của chính phủ** là hỗ trợ và tạo điều kiện cải thiện **năng suất** và thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân

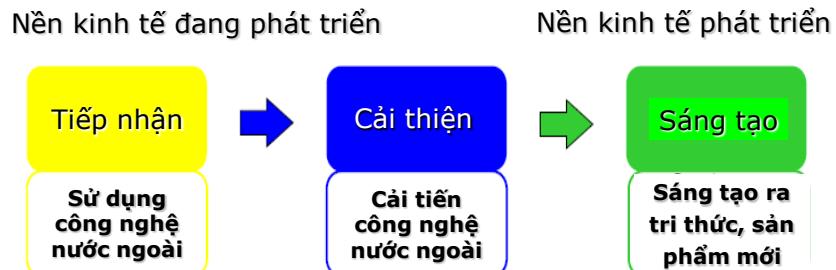
Làm thế nào để tăng mức thịnh vượng?

Tăng trưởng
mức thịnh vượng

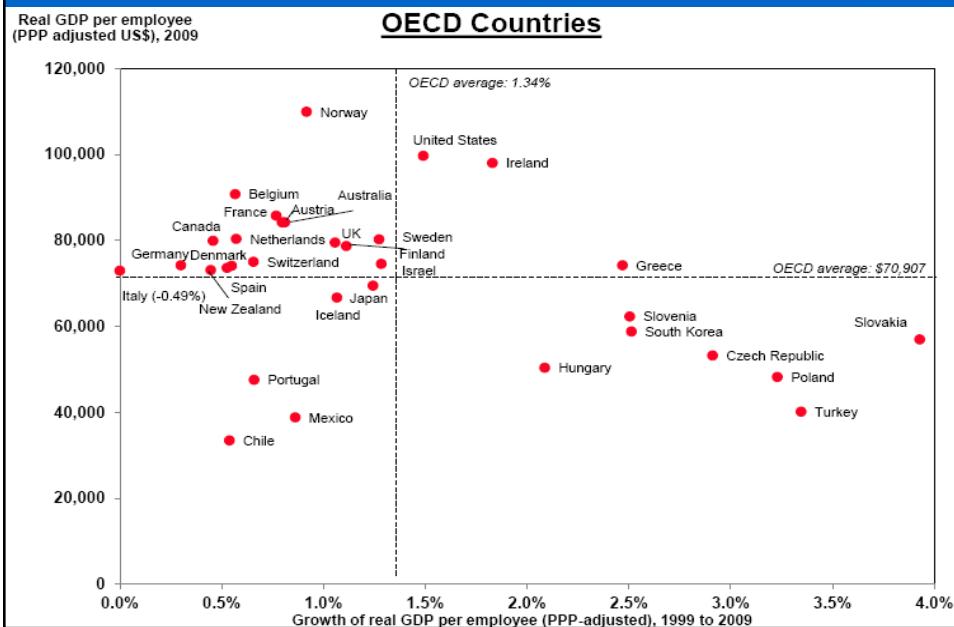
Tăng trưởng năng suất
(năng lực cạnh tranh)

Năng lực
sáng tạo

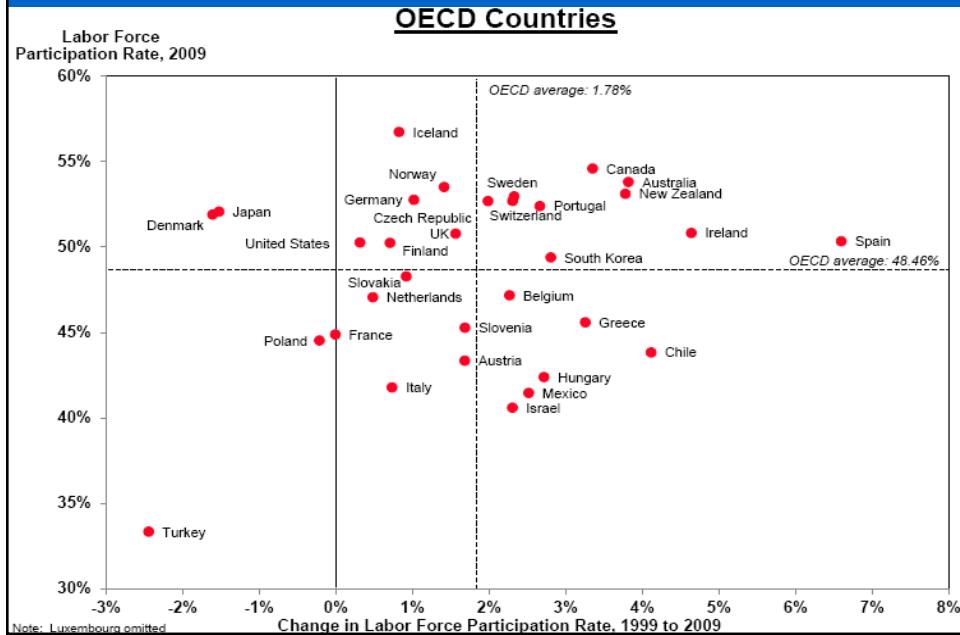
Chính sách sáng tạo



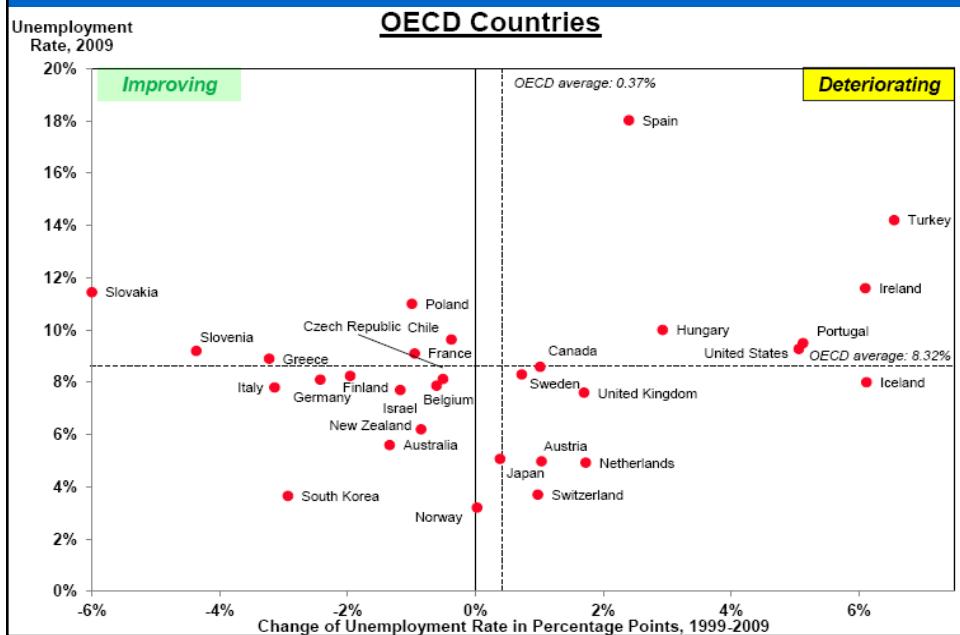
Năng suất lao động



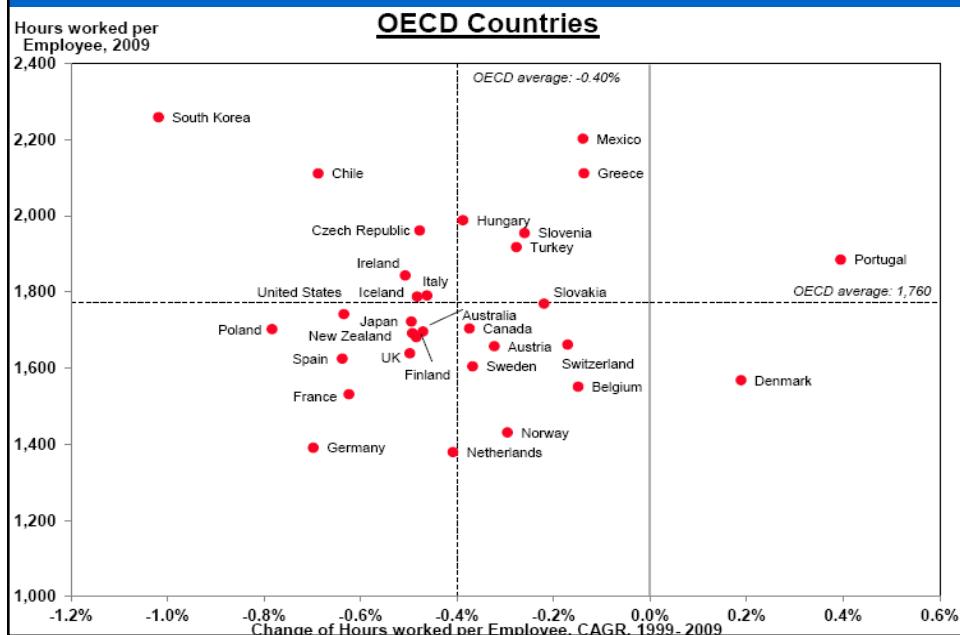
Sự tham gia của lực lượng lao động



Tỷ lệ thất nghiệp



Số giờ làm việc



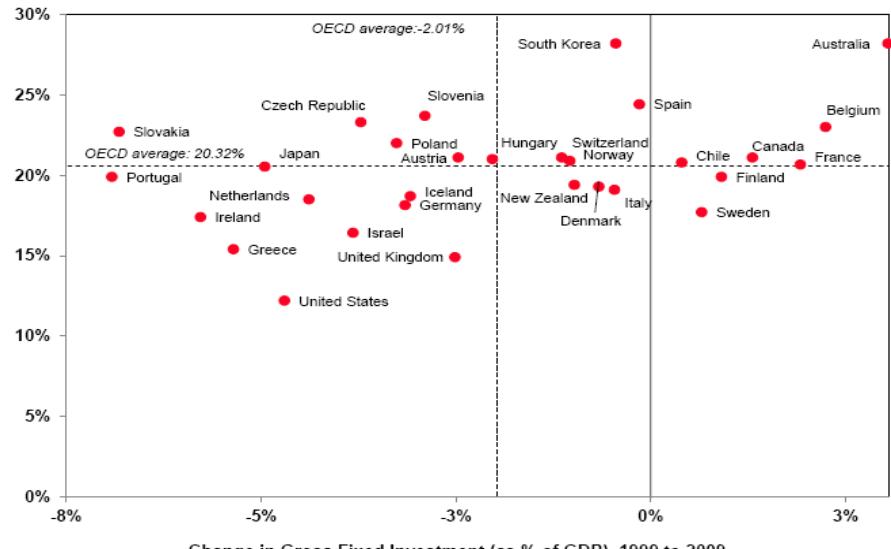
Các chỉ báo trung gian và hỗ trợ cho năng lực cạnh tranh



Đầu tư tài sản cố định

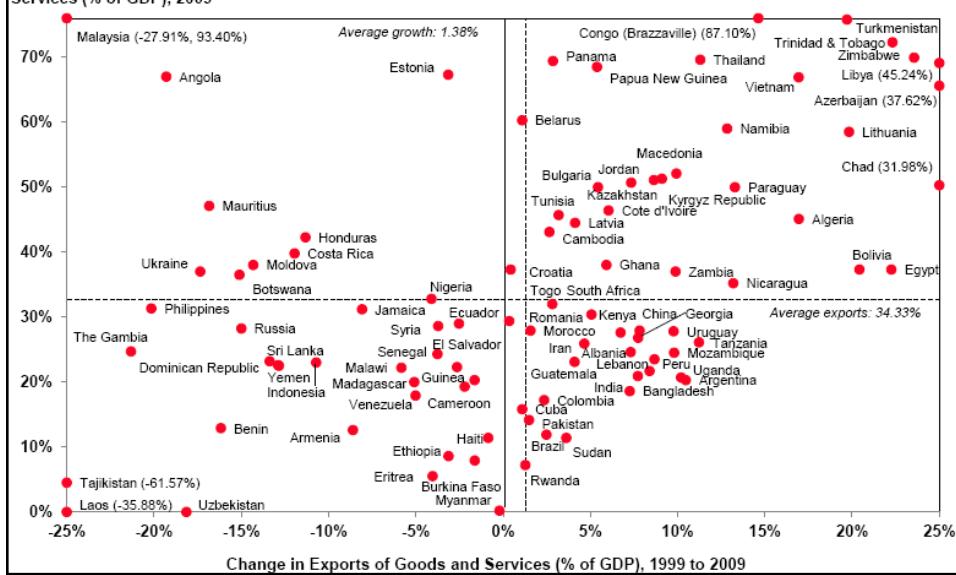
OECD Countries

Gross Fixed Investment
as % of GDP, 2009

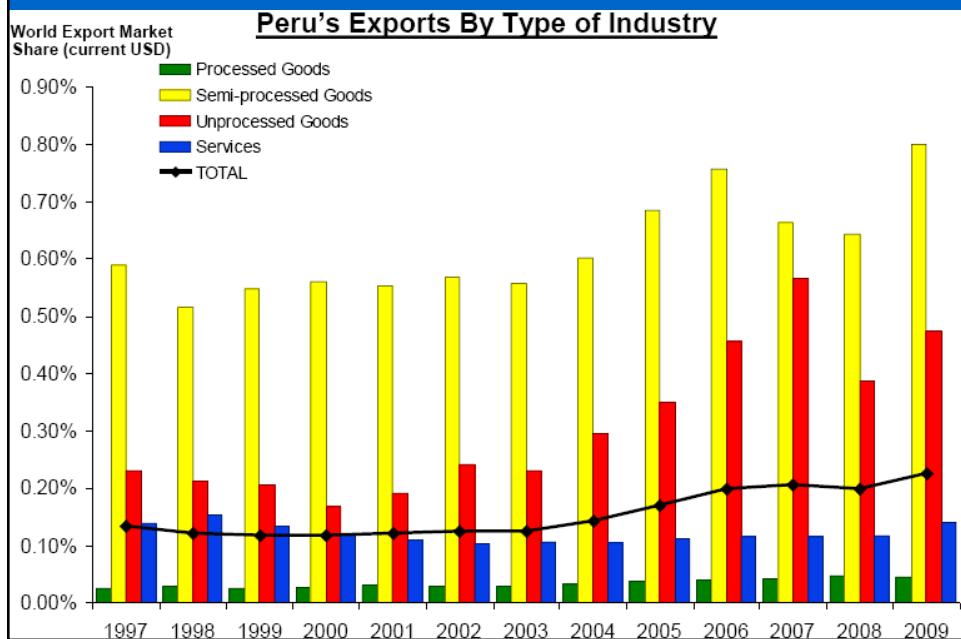


Xuất khẩu

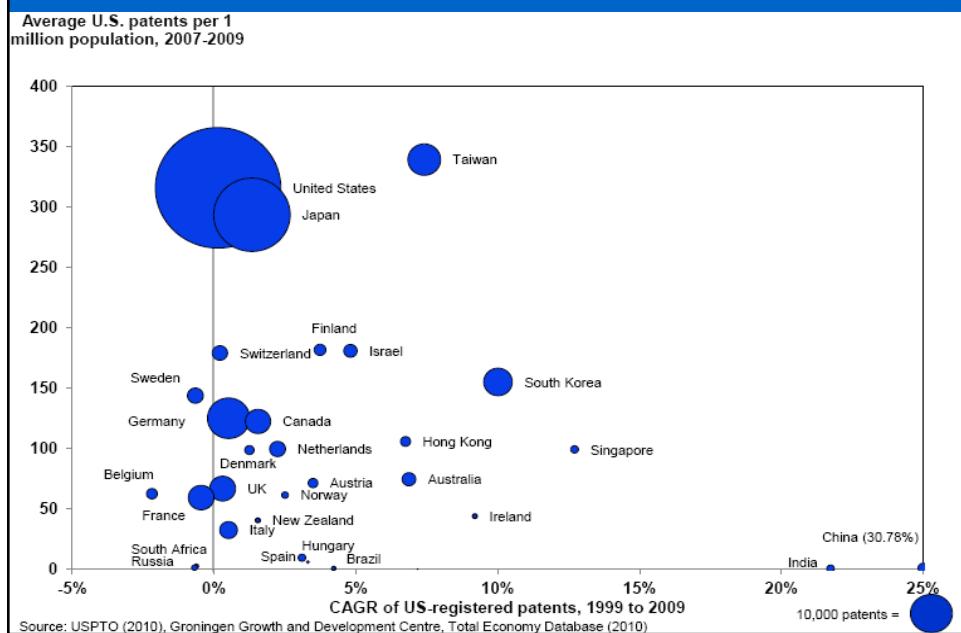
Exports of Goods and Services (% of GDP), 2009



Cấu trúc xuất khẩu

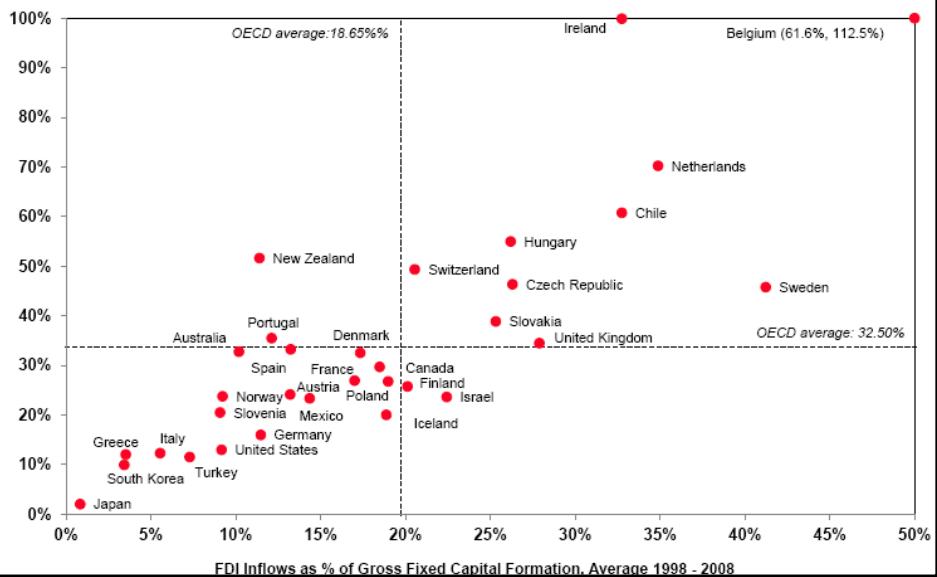


Kết quả sáng tạo



Đầu tư trực tiếp nước ngoài

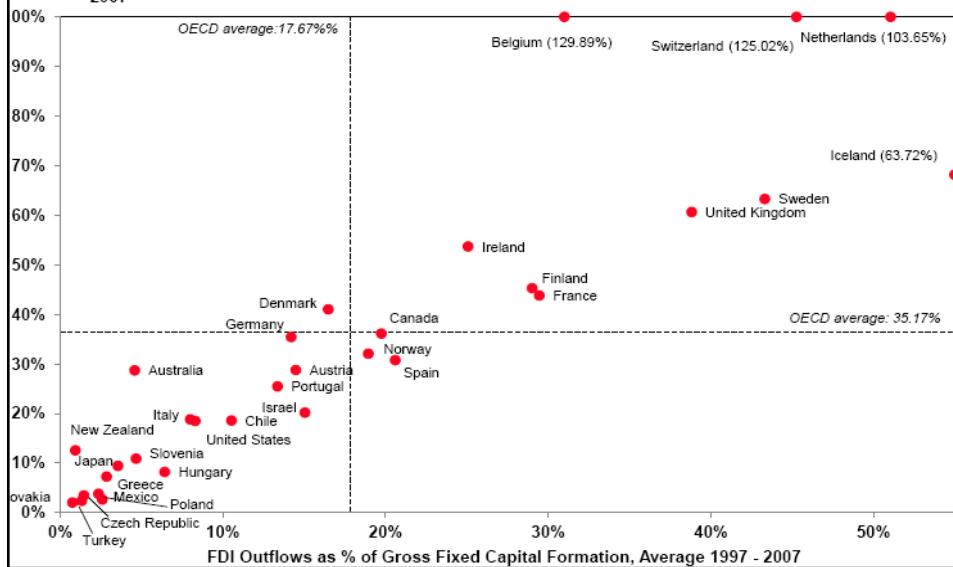
Inward FDI Stocks as % of GDP, Average 1998 - 2008



Đầu tư ra nước ngoài

Outward FDI Stocks as % of GDP, Average 1997 - 2007

Stocks and Flows, OECD Countries



Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh



Năng lực cạnh tranh vĩ mô

Hệ tầng xã hội và Thể chế chính trị

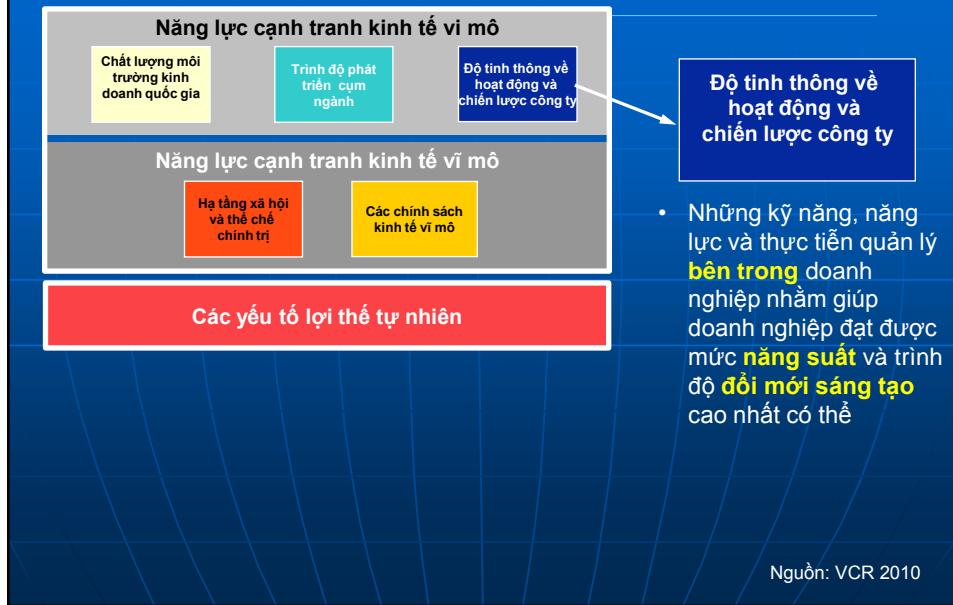
- Phát triển con người**
 - Giáo dục cơ bản
 - Hệ thống y tế
- Thể chế chính trị**
 - Tự do chính trị
 - Tiếng nói và trách nhiệm giải trình
 - Ôn định chính trị
 - Hiệu lực của chính phủ
 - Phân cấp
- Pháp quyền**
 - An ninh xã hội
 - Sự độc lập của tư pháp
 - Hiệu quả của khung pháp lý
 - Chi phí tham nhũng cho DN
 - Các quyền dân sự

Chính sách kinh tế vĩ mô

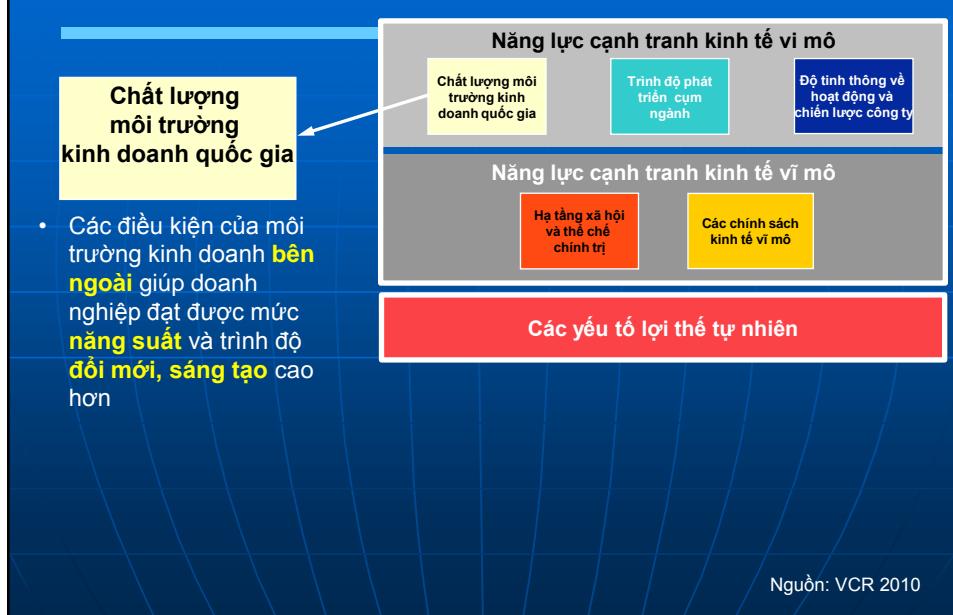
- Chính sách tài khoán**
 - Thu, chi, thặng dư (thâm hụt) ngân sách
 - Nợ công (nợ chính phủ và nợ của doanh nghiệp nhà nước)
 - Nợ nước ngoài
- Chính sách tiền tệ**
 - Cung tiền
 - Tín dụng
 - Lãi suất
 - Tỷ giá
 - Lạm phát
- Chính sách cơ cấu**

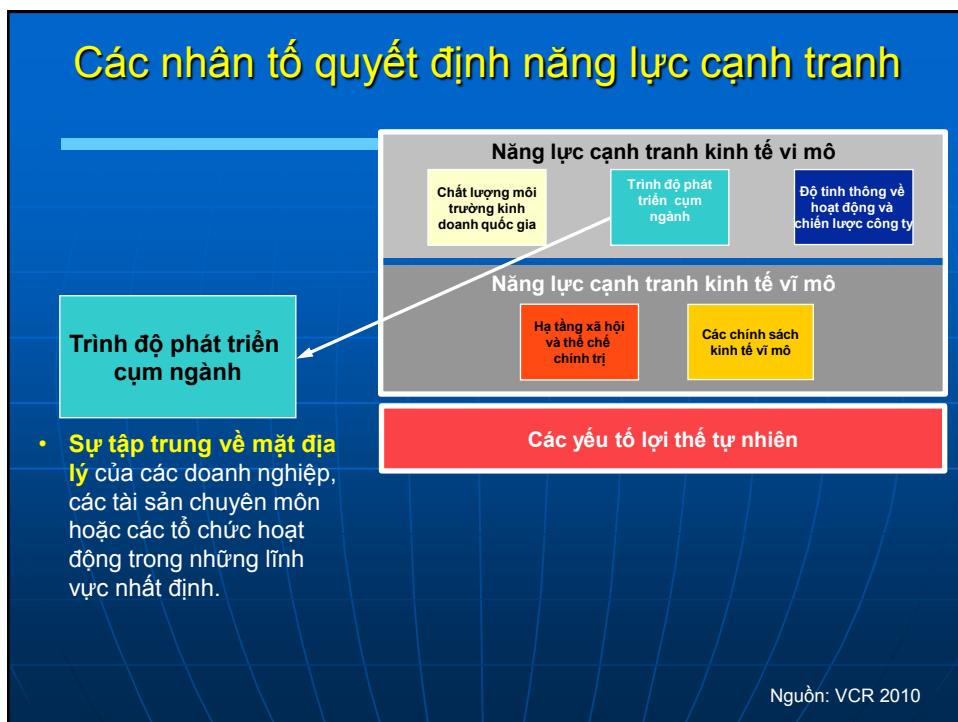
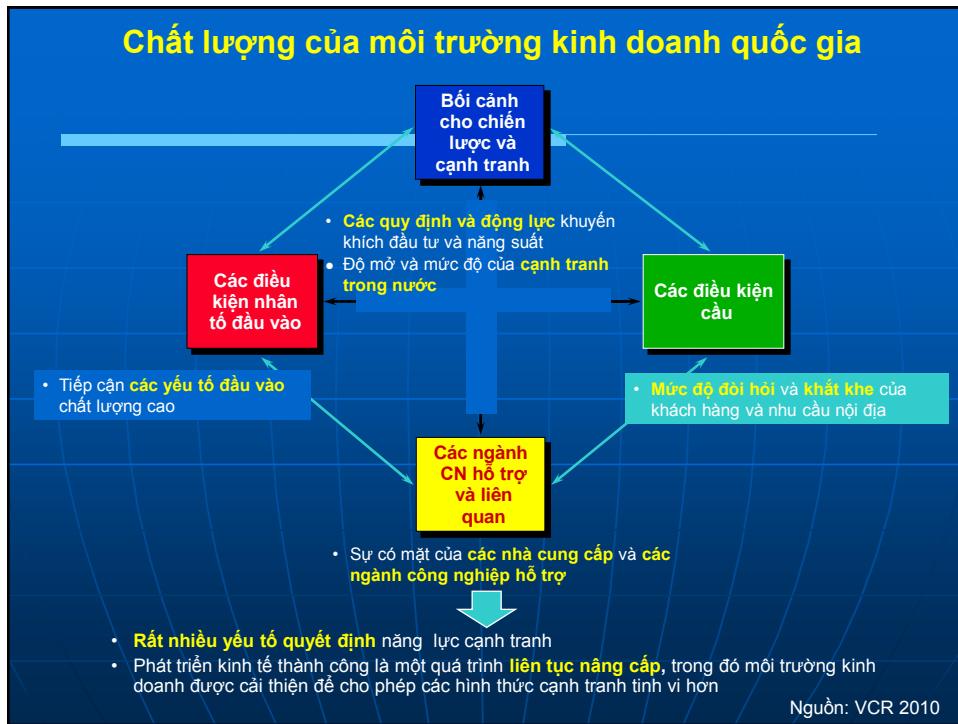
Nguồn: VCR 2010

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh

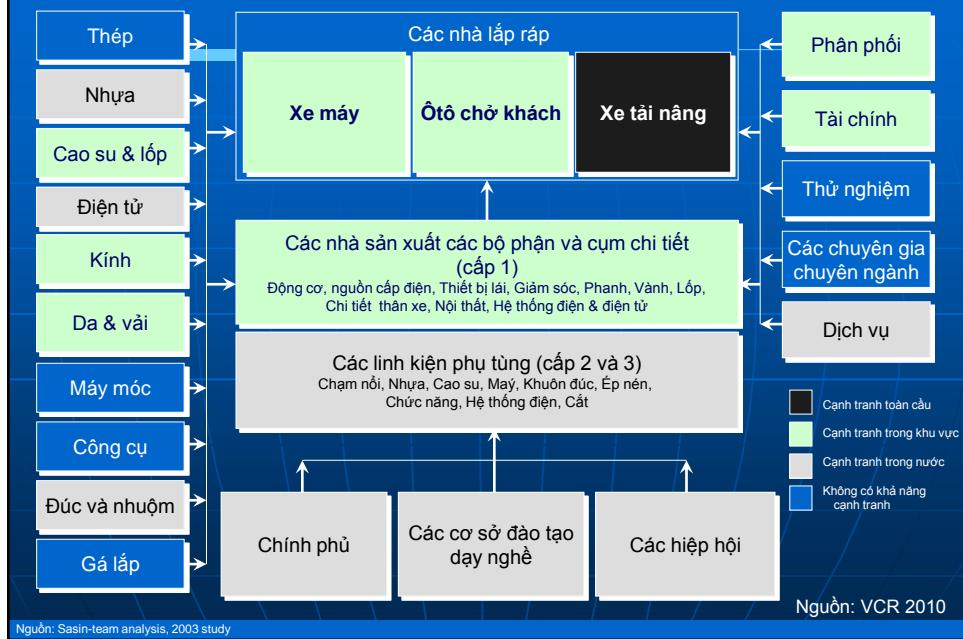


Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh





Cụm ngành Ô tô của Thái Lan: Các hoạt động liên quan



Cụm ngành và năng lực cạnh tranh

- Cụm ngành giúp **tăng năng suất** và **hiệu quả hoạt động**
 - Cụm ngành thúc đẩy **đổi mới sáng tạo**
 - Cụm ngành thúc đẩy **thương mại hóa** và **hình thành các doanh nghiệp mới**
- ↓
- Cụm ngành phản ánh tác động của **các liên kết và tác động lan toả** giữa các doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan trong cạnh tranh

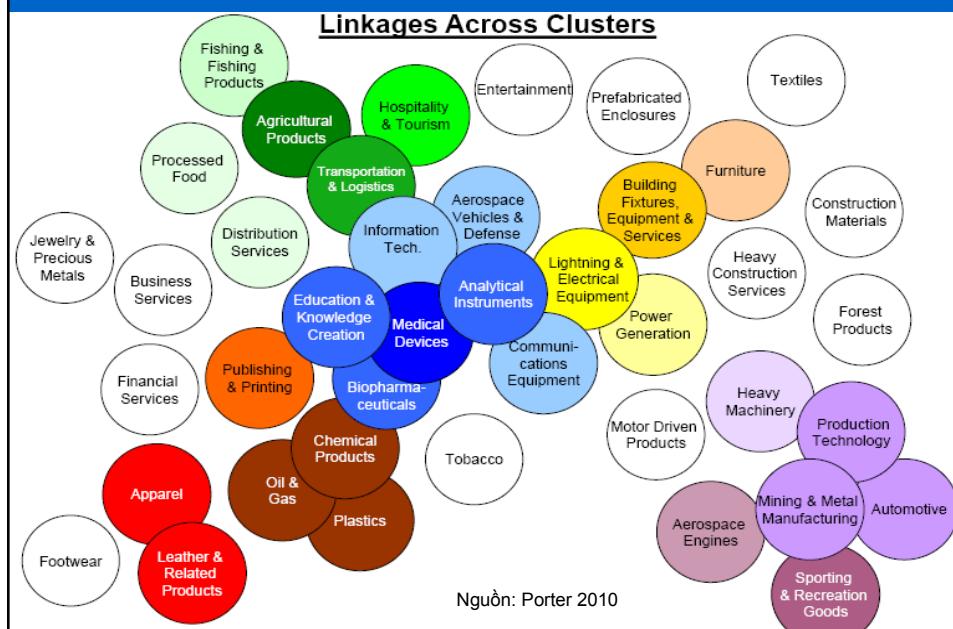
Các giai đoạn phát triển kinh tế của quốc gia Những ưu tiên chính sách khác nhau



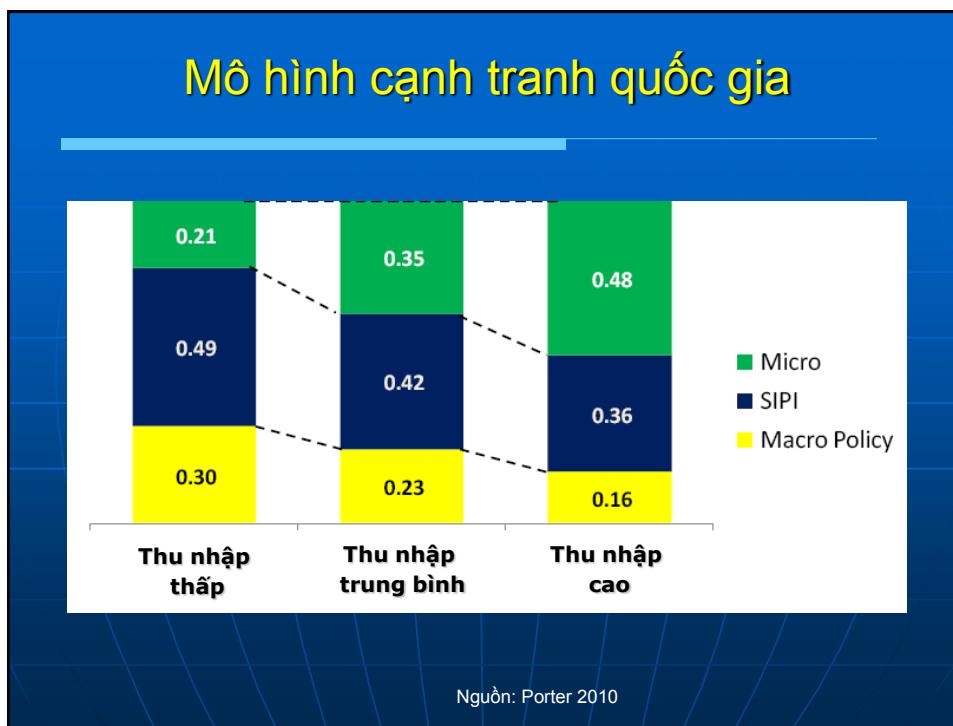
Các thể chế thúc đẩy hợp tác



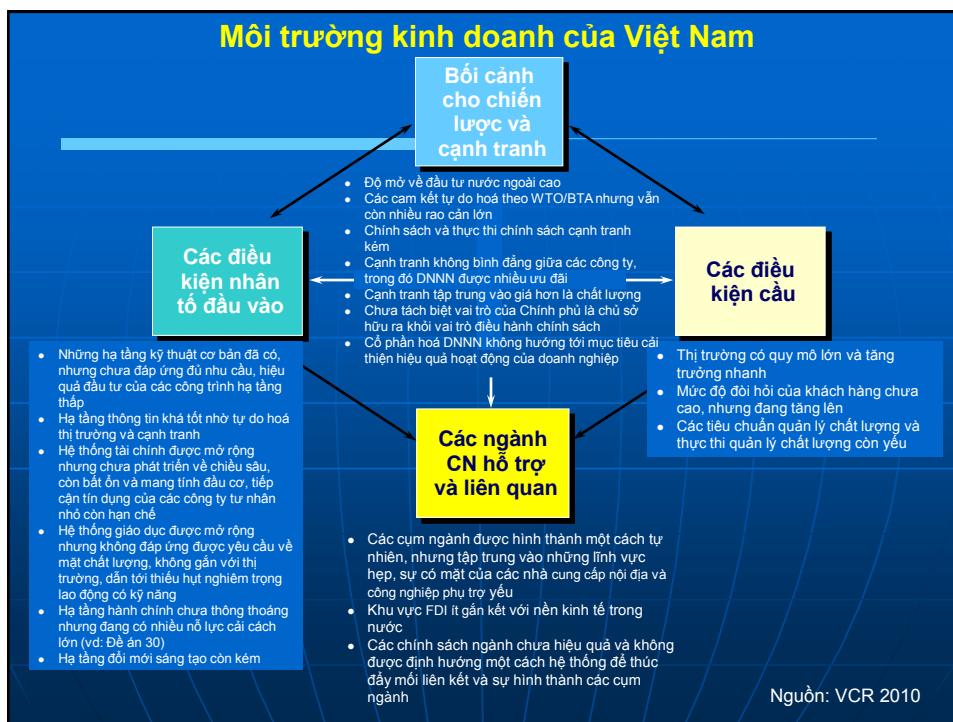
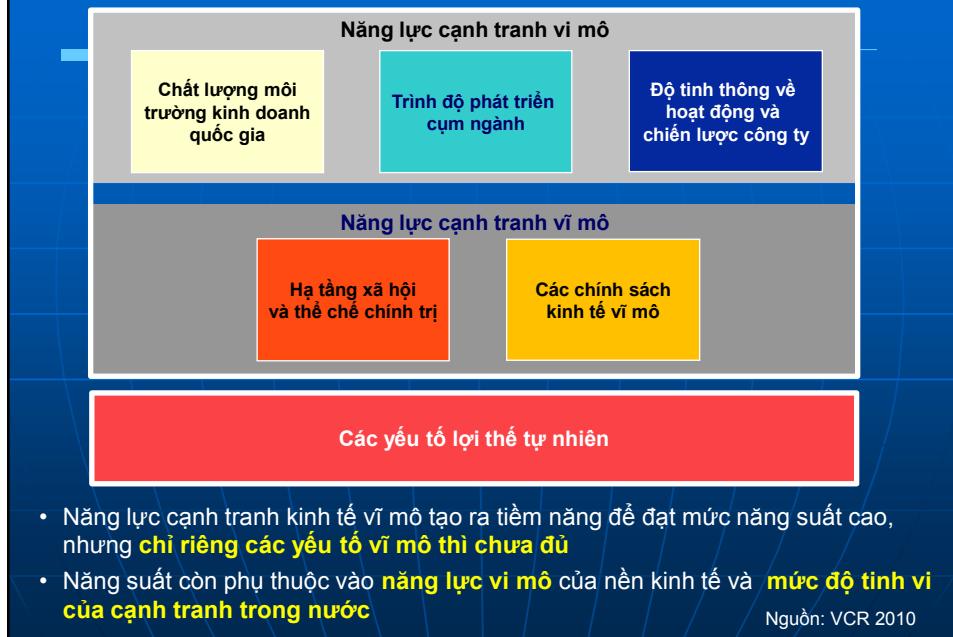
Cụm ngành và đa dạng hóa kinh tế



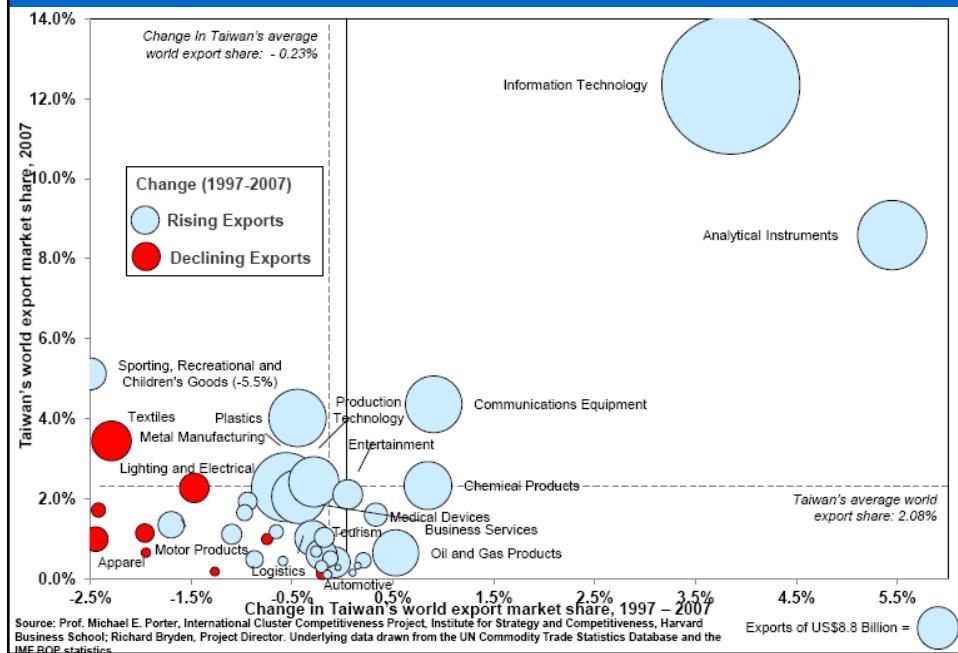
Mô hình cạnh tranh quốc gia



Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh

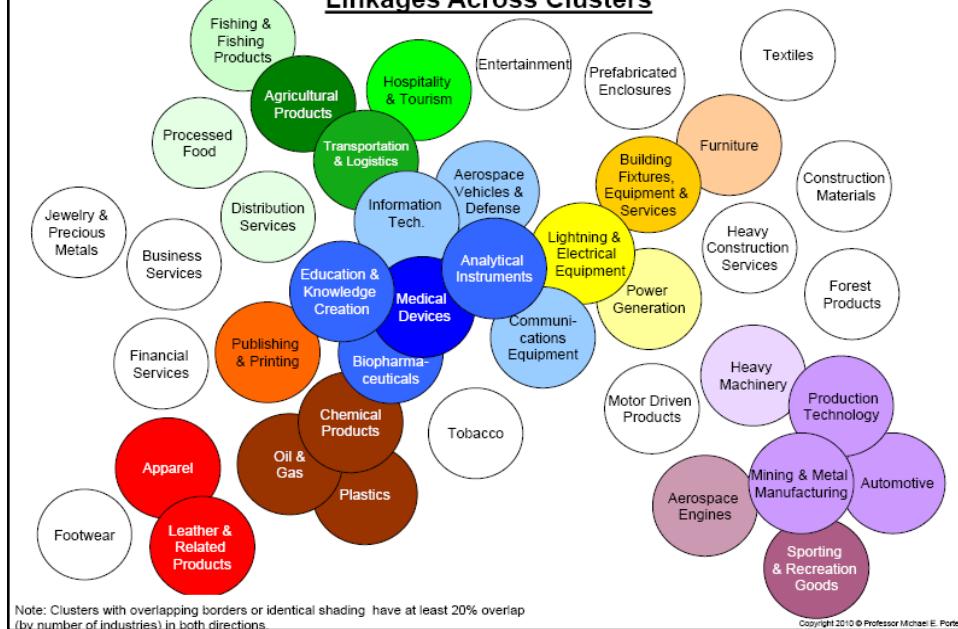


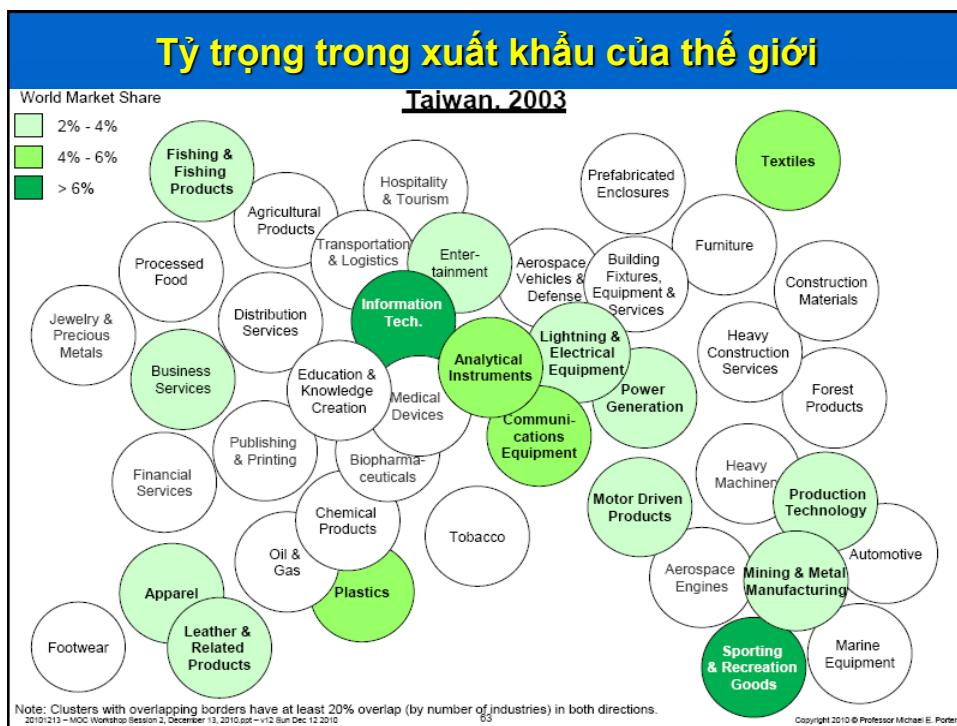
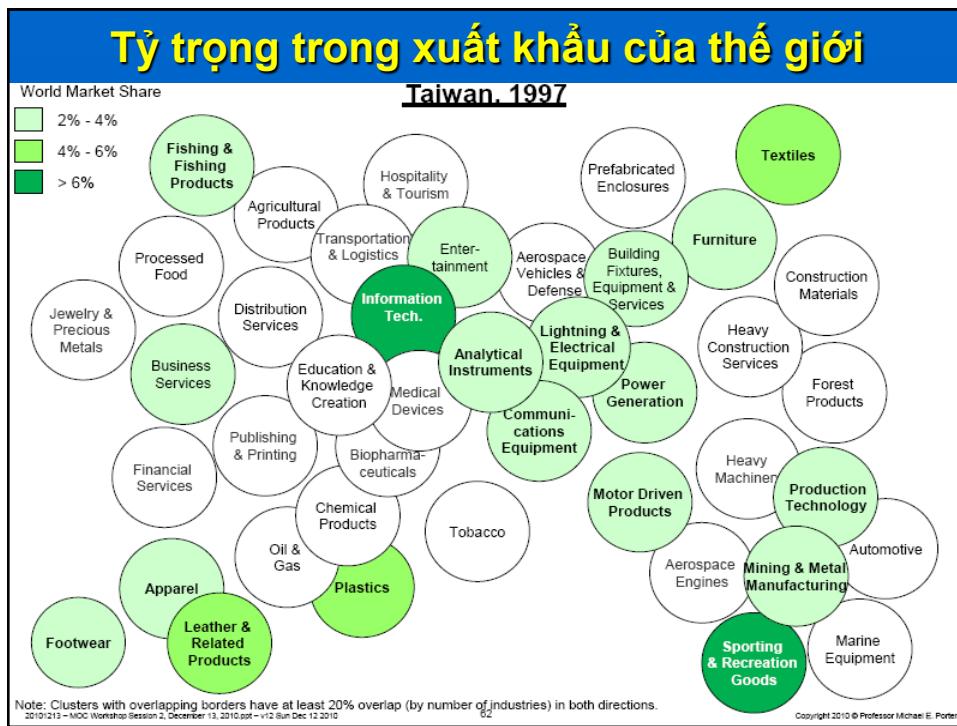
Cụm ngành xuất khẩu ở Đài Loan (1997-2007)

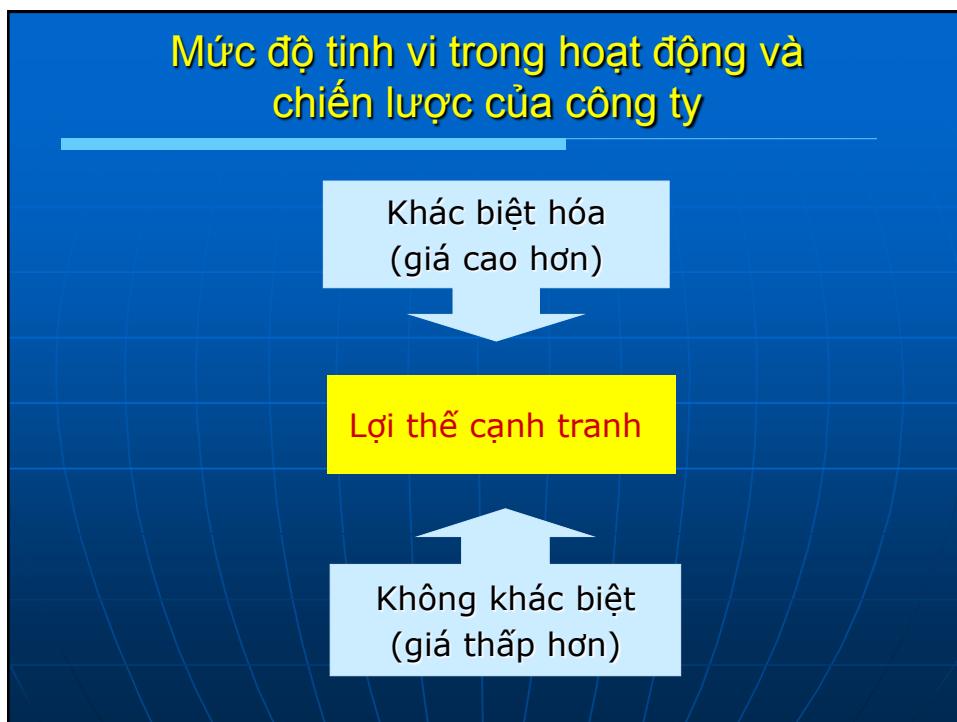
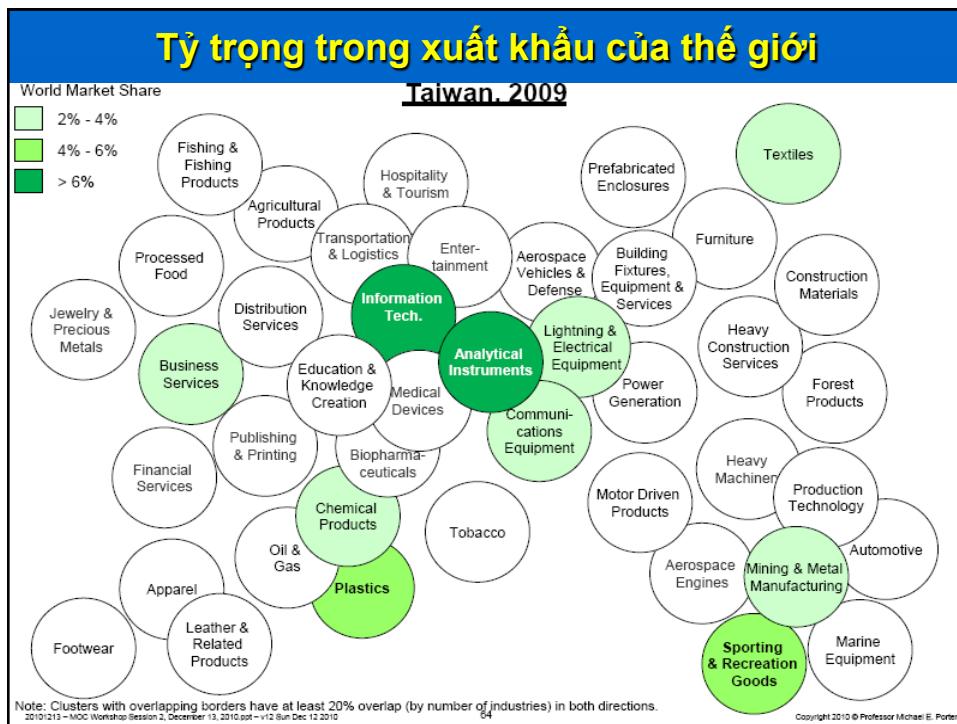


Liên kết giữa các cụm ngành

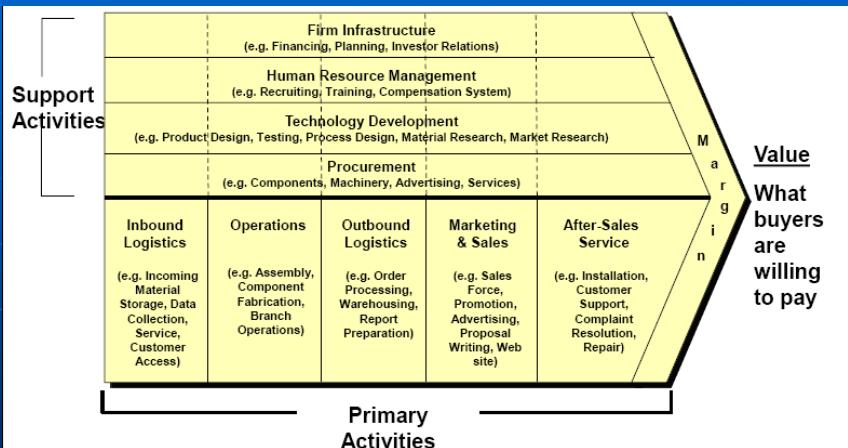
Linkages Across Clusters







Lợi thế cạnh tranh và chuỗi giá trị



- Mọi lợi thế cạnh tranh đều **nằm trong** chuỗi giá trị. Chiến lược được thể hiện qua cách thức các hoạt động trong chuỗi giá trị được **cấu hình** và **liên kết** với nhau như thế nào.

Để có được lợi thế cạnh tranh Hiệu quả hoạt động không phải là chiến lược

Hiệu quả
hoạt động

- Bắt chước và mở rộng các **thực tiễn tốt nhất**



Thực hiện **cùng một cách**
nhưng hiệu quả hơn

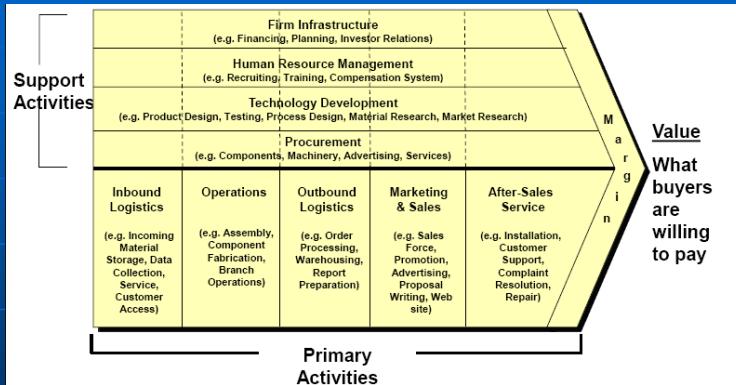
Định vị
chiến lược

- Tạo lập **vị thế cạnh tranh** độc đáo, bền vững



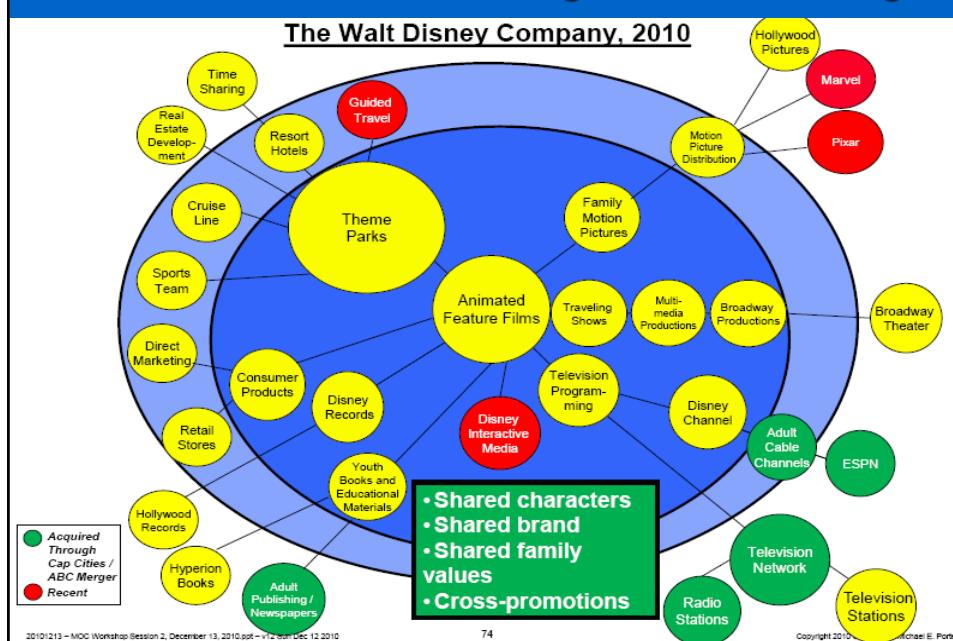
Thực hiện theo **cách khác**
vì một **mục đích khác**

Xác định phạm vi địa lý của cạnh tranh



- Từ chuỗi giá trị địa phương, đến quốc gia, khu vực và toàn cầu (chuỗi giá trị tích hợp)
- Các ngành công nghiệp có phạm vi cạnh tranh khác nhau

Một ví dụ tốt về đa dạng hóa hoạt động



Một ví dụ không tốt về đa dạng hóa



Một số nhận xét về cải thiện năng lực cạnh tranh vi mô

- **Có nhiều nhân tố** tác động tới NLCT
- Để nâng cao năng lực cạnh tranh, cần đồng thời đạt được sự tiến bộ trên **nhiều “mặt trận”**
- Cần đột phá vào những **mặt xích yếu nhất** hiện đang cản trở năng xuất và kìm hãm phát triển
- **Sự không tương thích** giữa mức độ tinh vi của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh sẽ hạn chế quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh
- Trong quá trình phát triển, các nền kinh tế sẽ trải qua các **điểm quá độ** tại đó nhiều phương diện của cạnh tranh phải được chuyển hóa một cách cơ bản

Hội nhập kinh tế khu vực



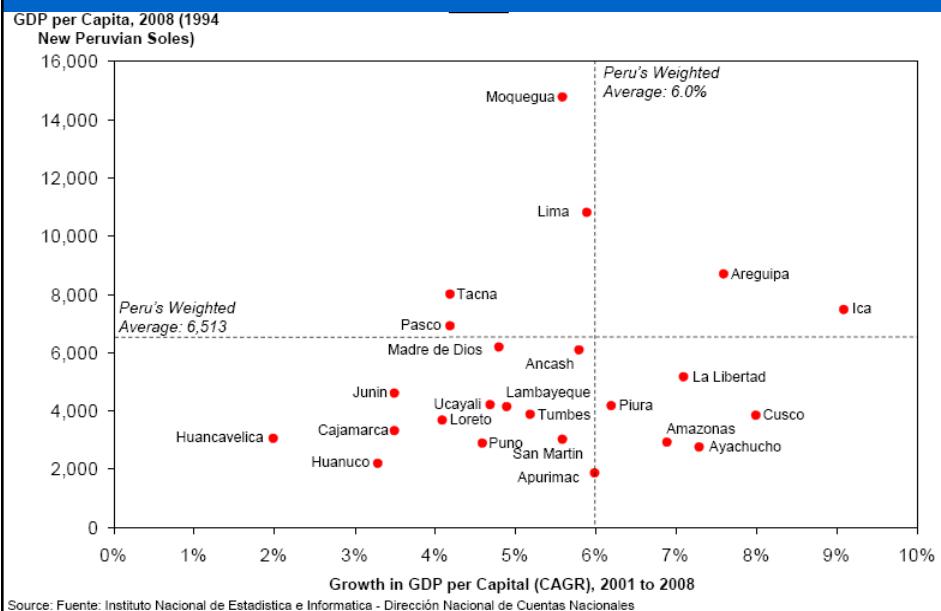
Hội nhập kinh tế khu vực

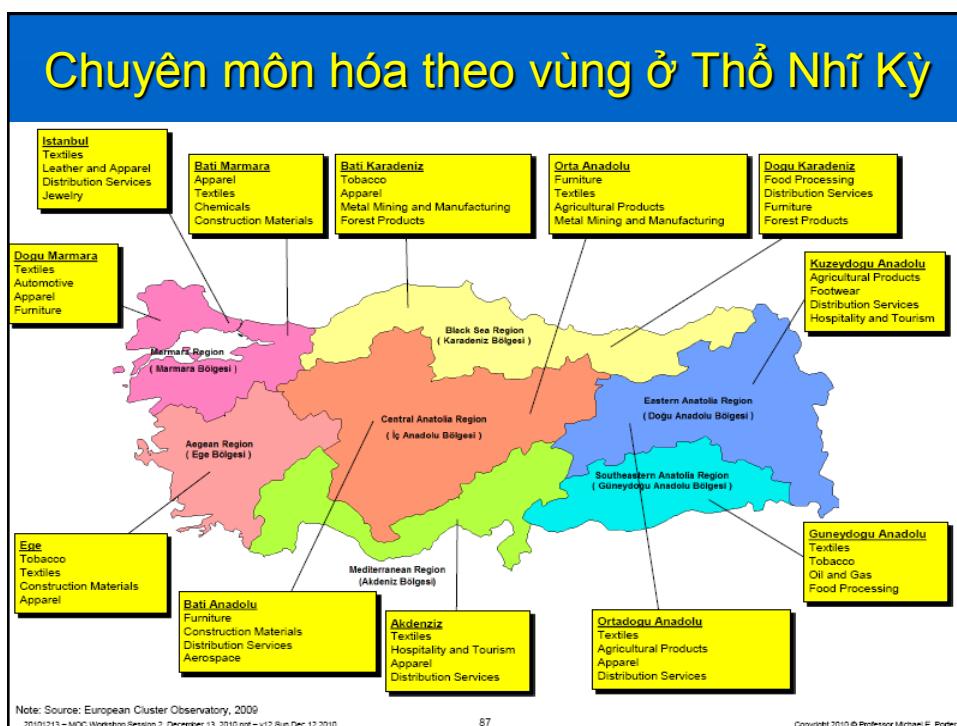
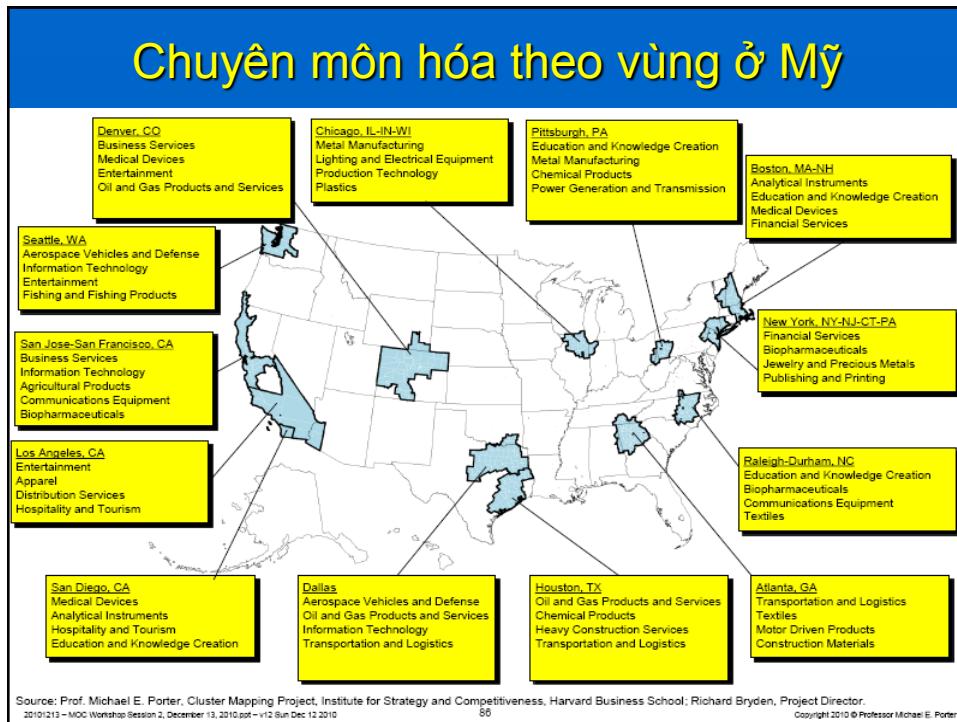


Hội nhập khu vực và năng lực cạnh tranh

- Thông thường, mở cửa thương mại và đầu tư xảy ra giữa các nước trong cùng khu vực
 - Các nước láng giềng thường là các đối tác đầu tư và thương mại tự nhiên và quan trọng nhất
 - Con đường tự nhiên để quốc tế hóa là xâm nhập các thị trường trong khu vực
 - Mở cửa thương mại và đầu tư giữa các quốc gia trong khu vực giúp tất cả trở thành địa điểm đầu tư hấp dẫn hơn
- Hợp tác kinh tế giúp cải thiện môi trường kinh doanh
 - Được sự đồng bộ trong chính sách và cơ sở hạ tầng
 - Có thể vị thương lượng cao hơn trên diễn đàn quốc tế
- Các hiệp ước đối ngoại có thể giúp vượt qua các trở lực cho cải cách kinh tế và chính trị trong nước

Mức độ thịnh vượng của các địa phương ở Peru





Liên kết kinh tế vùng và năng lực cạnh tranh

- Kết quả kinh tế **rất khác nhau** giữa các vùng và địa phương
- Nhiều **đòn bẩy** kinh tế quan trọng đối với năng lực cạnh tranh nằm ở cấp độ vùng
- Các vùng **chuyên môn hóa** vào các cụm ngành khác nhau
- Mỗi vùng cần **chiến lược và chương trình hành động riêng** để nâng cao năng lực cạnh tranh
- **Sức mạnh của các cụm ngành** ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh tế của cả vùng
- Để tăng cường năng lực cạnh tranh cần sự **hợp tác hiệu quả của vùng** và điều phối hiệu quả của chính quyền TƯ
- **Phân cấp** giúp khuyến khích chuyên môn hóa theo vùng, tăng cường cạnh tranh nội địa và trách nhiệm giải trình
- Phân cấp hiệu quả đòi hỏi sự **rõ ràng về quyền và nghĩa vụ** của các cấp chính quyền cũng như **năng lực phù hợp** của chính quyền vùng và địa phương

Chiến lược kinh tế vùng và quốc gia

Cải thiện chính sách

- Áp dụng các **thực tiễn tốt nhất** cho mỗi lĩnh vực chính sách
- 
- Có **rất nhiều** lĩnh vực chính sách quan trọng
 - Không quốc gia nào có thể đồng thời cải thiện **mọi chính sách**

Chiến lược kinh tế

- Cần phải **xác định rõ ưu tiên** có tính chiến lược nhằm tạo lập vị thế cạnh tranh độc đáo cho quốc gia, vùng, và địa phương

Chiến lược kinh tế quốc gia

Giá trị mục tiêu quốc gia

■ Đầu là **vị thế cạnh tranh đặc thù** của quốc gia với vị trí địa lý, di sản văn hóa, các thế mạnh hiện tại và thế mạnh tiềm năng?

- Giá trị đặc thù của quốc gia như là một điểm đến kinh doanh?
- Quốc gia nên hướng tới những cụm ngành và hoạt động nào?
- Vai trò của quốc gia đối với láng giềng, khu vực và thế giới

Tạo dựng các thế mạnh đặc thù

- Những **yếu tố** nào của **môi trường kinh doanh** là những thế mạnh độc đáo so với các nước bạn?
- Những cụm ngành **hiện tại và mới nổi** thể hiện thế mạnh gì của địa phương?

Bắt kịp và duy trì đà ngang bằng với các nước láng giềng

- Những **điểm yếu** nào cần được giải quyết để tháo gỡ các trở ngại và đạt kết quả tương đương với các nước bạn?

• **Xác định ưu tiên và trình tự** là cần thiết cho phát triển kinh tế

Nguồn: VCR 2010

Những “phép thử” của chiến lược kinh tế

■ **Vị thế độc đáo** đã được phát biểu tường minh chưa?

- Vị thế này có giúp tạo ra **hình ảnh tích cực** cho đất nước?
- Vị thế này có **tạo cảm hứng** cho người dân không?

■ Chiến lược có được xây dựng trên cơ sở **các điểm mạnh**?

- Đây có phải là các **điểm mạnh thực sự** so với lân bang và các quốc gia cạnh tranh hay không?

■ Chiến lược có **phù hợp với xu thế tiến bộ** trong khu vực và trên thế giới hay không?

■ Chiến lược có **khả thi** hay không (các điểm yếu mâu thuẫn với chiến lược có thể được khắc phục hay hạn chế không?)

■ Cải cách kinh tế có nằm trong một **tổng thể** bao gồm cả những cải cách chính trị và xã hội hay không?

■ **Ý chí và sự đồng thuận về chính trị** đã sẵn sàng để thực hiện chiến lược hay chưa?

Những “phép thử” của chiến lược kinh tế

- Những **ưu tiên chính sách** có phù hợp với chiến lược không?
 - Sự lựa chọn và thiết kế của các **chính sách đặc biệt**?
 - **Trình tự** thực hiện chính sách?
- Chiến lược có được **truyền đạt một cách rõ ràng** tới các đối tượng có lợi ích hữu quan không?
 - **Khu vực tư nhân** có được tham gia không?
 - Bản thân **chính phủ có được tổ chức** để thực hiện chiến lược này không?
- Có **cơ chế phối hợp tổng thể** cho chiến lược không?
- **Chất lượng** của các cơ quan nhà nước và các thể chế khác có đủ để thực thi chiến lược một cách hiệu quả không
- Có các **cơ chế đo lường** sự tiến bộ và **đánh giá/điều chỉnh** chiến lược khi kết quả được cải thiện hay các điều kiện khác thay đổi hay không?

Cụm ngành, tăng trưởng và đa dạng hóa

Phát triển
các cụm ngành có liên quan

Phát triển các
ngành mới nằm trong
cụm ngành hiện tại

Nâng cấp chất lượng
các cụm ngành hiện tại

Quá trình phát triển kinh tế

Sự chuyển đổi về vai trò và trách nhiệm

Mô hình cũ

- Chính phủ dẫn dắt phát triển kinh tế thông qua các chính sách và khuyến khích

Mô hình mới

- Phát triển kinh tế là quá trình **hợp tác** giữa chính quyền các cấp với khu vực doanh nghiệp, học thuật, và các tổ chức dân sự khác

Năng lực cạnh tranh là kết quả của cả hai quá trình **từ dưới lên** và **từ trên xuống** trong đó mỗi tác nhân có liên quan có vai trò riêng nhưng bổ sung cho nhau

Quá trình phát triển kinh tế

Sự phù hợp giữa chính sách và giai đoạn phát triển

Nền kinh tế dựa vào yếu tố đầu vào

Nền kinh tế dựa vào đầu tư

Nền kinh tế dựa vào đổi mới sáng tạo

Các yếu tố đầu vào chi phí thấp

- Ôn định** chính trị, luật pháp và vĩ mô
- Cải thiện nguồn **nhân lực**
- Đảm bảo **cơ sở hạ tầng** cơ bản
- Chi phí** tuân thủ các quy định và thủ tục thấp

Năng suất

- Cạnh tranh** nội địa tăng
- Mở cửa** thị trường
- Cơ sở hạ tầng** hiện đại
- Các quy định và động lực **tăng năng suất**
- Có sự hình thành và hoạt động của các **cụm ngành**

Giá trị độc đáo

- Kỹ năng** bậc cao
- Các cơ sở **khoa học công nghệ**
- Các quy định và động lực **đổi mới sáng tạo**
- Nâng cấp các **cụm ngành**

Nguồn: Porter, Michael E., *The Competitive Advantage of Nations*, Macmillan Press, 1990

Nguồn: VCR 2010

Vai trò của khu vực tư nhân trong phát triển kinh tế

- Là khu vực **trực tiếp** tạo ra việc làm và giá trị gia tăng
- Giúp chính phủ hiểu được những **nhu cầu** và **cản trở** đối với hoạt động kinh doanh và phát triển cụm ngành
- Nuôi dưỡng các nhà **cung ứng địa phương** và là một động lực thu hút **đầu tư nước ngoài**
- Hợp tác và khuyến khích các trường đại học và viện nghiên cứu nâng cao **chất lượng** và **tính thực tiễn**
- **Hợp tác** giữa các công ty giúp tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua hiệp hội hay các cơ chế khác
- Tham gia tích cực trong các **sáng kiến năng lực cạnh tranh** của vùng và quốc gia
- Tham gia các sáng kiến cải thiện **môi trường kinh doanh**, tăng cường **trách nhiệm xã hội** và **bảo vệ môi trường**

Tổ chức năng lực cạnh tranh

- Chính phủ là một thực thể phức tạp; năng lực cạnh tranh chịu tác động của **rất nhiều cơ quan chính phủ**
 - **Nhiều cơ quan ban ngành** ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh (Tài chính, Ngân hàng TƯ, Thương mại, Giáo dục, Khoa học, Công nghệ, Văn hóa, Viễn thông, Nông nghiệp, Môi trường v.v.)
 - Không chỉ các bộ ban ngành **kinh tế** mà cả **xã hội** đều ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh
 - **Chính quyền các cấp** đều ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh
 - **Quan hệ với lân bang** cũng tác động tới năng lực cạnh tranh
- Năng lực cạnh tranh hiếm khi là trách nhiệm của một cơ quan chuyên biệt mà **liên đới** tới nhiều cơ quan khác nhau
- Vì vậy cần phải có một **cơ chế và cấu trúc hợp tác** (ví dụ như Hội đồng chính sách cạnh tranh) có chức năng đưa các bộ trưởng, vụ trưởng đến gần nhau hơn trong việc hoạch định và thực thi chính sách tăng cường năng lực cạnh tranh

Tổ chức năng lực cạnh tranh

Kinh nghiệm thành công

- Tùy thuộc vào giai đoạn phát triển mà **tập trung vào các khía cạnh thích hợp** của NLCT
- **Khu vực tư nhân** đóng vai trò quan trọng, thậm chí là chủ đạo
- Cần có sự **tham gia** tích cực của tất cả các bên hữu quan và đại diện của chính quyền các cấp
- Được **thể chế hóa** bằng một cấu trúc hỗ trợ
- Có một khuôn khổ thống nhất về khái niệm
- Phát triển được một **chiến lược** hiệu quả
- Kế hoạch hành động có **ưu tiên** và **trình tự** hợp lý
- Có **thước đo** tốt cho mức độ tiến bộ và kết quả

Cụm ngành như một công cụ chính sách

- Là một **diễn đàn giúp khuyến khích sự hợp tác** giữ khu vực tư nhân (gồm cả MNCs) với các hiệp hội thương mại, cơ quan chính phủ, trường đại học, viện nghiên cứu
- Giúp tạo ra một cơ chế **đối thoại** có tính xây dựng giữa chính phủ và doanh nghiệp
- Là một **công cụ giúp phát hiện** các cơ hội cũng như nguy cơ, từ đó xây dựng chiến lược và gợi ý hành động thích hợp
- Là một phương thức **tổ chức và thực hiện** các chính sách
- Là một phương tiện thực hiện các đầu tư (công và tư) giúp **tăng cường sức mạnh** cho nhiều đối tượng cùng một lúc
- Là một cách thức thúc đẩy các loại hình **cạnh tranh năng động và tinh vi hơn** thay vì bóp méo thị trường

Chính sách lấy cụm ngành làm trung tâm



- Cụm ngành là khuôn khổ để **tổ chức thực hiện** các chính sách công và đầu tư công nhằm phát triển kinh tế

Điều kiện tiền đề cho phát triển cụm ngành

1. Cụm ngành có một **lượng đủ lớn** các công ty nội địa hoặc chi nhành công ty nước ngoài đã **vượt qua phép thử của thị trường**
2. Cụm ngành có một số **lợi thế đặc thù** hay **thể mạnh đặc biệt** trong bốn yếu tố của hình thoi
 - Nhu cầu đặc thù, tài năng đặc biệt, vị trí địa lợi v.v.
3. Cụm ngành có sự hiện diện của **công ty đa quốc gia hàng đầu thế giới** đã có những đầu tư quan trọng, đồng thời có cam kết mở rộng hoạt động
4. Có thể mạnh trong các cụm ngành **liên quan gần gũi**
 - Thỏa mãn được một số điều kiện trong bốn điều kiện này
 - Điều kiện cần để một cụm ngành có thể thành công
 - **Tối kỵ** việc duy ý chí trong việc nhận dạng hay phát triển cụm ngành